

Các yếu tố tác động đến sự tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp tại các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Lê Thị Bảo Như^{1,*}, Nguyễn Thị Thu Hảo², Nguyễn Thị Hồng Hạnh³



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tại Việt Nam nói chung và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nói riêng đang phải đối mặt với thách thức lớn là thu đúng, thu đủ và hạn chế thất thu thuế. Tuy nhiên, tình trạng gian lận, né tránh, vi phạm về thuế TNDN vẫn còn diễn biến phức tạp và có xu hướng ngày càng gia tăng. Từ yêu cầu thực tiễn, bài báo góp phần bổ sung thêm khe hở của các nghiên cứu trước bằng việc xác định các nhân tố tác động đến việc tuân thủ TNDN tại các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra khảo sát các doanh nghiệp, thực hiện phân tích hồi quy tuyến tính để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố. Kết quả nghiên cứu cho thấy có bảy nhân tố ảnh hưởng đến việc tuân thủ thuế TNDN, đó là tính đơn giản của việc kê khai thuế, việc thanh tra - kiểm tra thuế, tính công bằng của hệ thống thuế, thuế suất, tình trạng tài chính của doanh nghiệp, kiến thức về thuế của người nộp thuế, hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế. Trong đó, nhân tố thuế suất có tác động âm và các nhân tố còn lại tác động dương đến việc tuân thủ thuế TNDN. Dựa trên các kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường việc tuân thủ thuế TNDN của các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Từ khoá: Tuân thủ thuế, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Bà Rịa – Vũng Tàu

¹Khoa Tài chính – Kế toán – Ngân hàng, Trường Đại học Phan Thiết, Việt Nam

²Kiểm toán nhà nước Khu vực XIII, Kiểm toán nhà nước Việt Nam, Việt Nam

³Phòng thống kê tổng hợp, Cục thống kê tỉnh Bình Định, Việt Nam

Liên hệ

Lê Thị Bảo Như, Khoa Tài chính – Kế toán – Ngân hàng, Trường Đại học Phan Thiết, Việt Nam

Email: lebaonhu@gmail.com, ltbnu@upt.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 25-01-2021
- Ngày chấp nhận: 14-5-2021
- Ngày đăng: 20-5-2021

DOI: 10.32508/stdjelm.v5i2.766



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



MỞ ĐẦU

Thuế là nguồn đóng góp chủ yếu cho ngân sách nhà nước không chỉ tại Việt Nam mà còn ở đa số các nước trên thế giới. Hầu hết các quyết định về thuế đều liên quan đến các chính sách tài khoá công và sự phát triển của nền kinh tế. Cùng với xu hướng phát triển và hội nhập, sự lớn mạnh và đa dạng hóa các loại hình doanh nghiệp yêu cầu các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng cần tăng cường công tác quản lý và hoàn thiện hệ thống thuế nhằm gia tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Trong hệ thống sắc thuế hiện nay của nước ta, thuế TNDN là một trong những sắc thuế đóng vai trò quan trọng đối với tổng nguồn thu thuế. Tuy đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý thuế nhưng các hiện tượng trốn thuế, tránh thuế TNDN vẫn còn diễn ra. Xét trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong năm 2019, ngành thuế đã triển khai thanh tra, kiểm tra 1.547 doanh nghiệp; tổng số tiền truy thu, truy hoàn, phạt là: 476.801 triệu đồng, giảm lỗ là 1.788.766 triệu đồng, bình quân 1 cuộc kiểm tra thuế truy thu, phạt 222 triệu đồng, đứng thứ nhất so với toàn ngành; bình quân 1 cuộc thanh tra thuế truy thu, phạt 1.363 triệu đồng, đứng thứ 05 toàn ngành¹. Trong khi nguồn lực và công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế còn hạn chế, các

hành vi gian lận, trốn tránh thuế thì ngày càng tinh vi, phức tạp đòi hỏi cơ quan quản lý thuế phải có phương pháp ước lượng để xác định các nhân tố cũng như tác động của các nhân tố đó đến sự tuân thủ thuế TNDN. Từ vấn đề đã nêu, bài báo tập trung nghiên cứu nhằm nhận diện các nhân tố và mức độ ảnh hưởng của chúng đến sự tuân thủ thuế TNDN trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Lý thuyết về hành vi tuân thủ thuế TNDN

Lý thuyết về hành vi

Nghiên cứu về hành vi được Kahneman & Tversky² cung cấp 2 lập luận chính: (i) Khi đứng giữa hai sự lựa chọn là phiêu lưu với kỳ vọng thu được một số lợi ích mặc dù vẫn có khả năng mất mát và lựa chọn giữ nguyên trạng, trong trường hợp chủ thể nhận định rằng giữ nguyên trạng sẽ mang đến lợi ích thì chủ thể sẽ chọn giữ nguyên trạng nhằm tránh những rủi ro khó đoán định; (ii) Khi đứng giữa hai lựa chọn là giữ nguyên trạng và liều lĩnh để thu về lợi ích mặc dù lựa chọn này cũng bao gồm khả năng mất mát, trong trường hợp chủ thể nhận định rằng giữ nguyên trạng không có lợi và gây tổn thất về mặt lợi ích thì chủ thể thường chọn phiêu lưu với những kỳ vọng mình đạt ra.

Trích dẫn bài báo này: Như L T B, Hảo N T T, Hạnh N T H. Các yếu tố tác động đến sự tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp tại các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 5(2):1576-1588.

Đây là một trong những lý thuyết về hành vi quan trọng làm tiền đề cho các nghiên cứu giải thích về hành vi tuân thủ pháp luật nói chung và các hành vi tuân thủ thuế nói riêng.

Hành vi tuân thủ thuế

Theo các tác giả Alm³, Jackson & Milliron⁴ tuân thủ thuế là việc khai báo đầy đủ thu nhập và thanh toán tất cả chi phí thuế theo quy định của Luật thuế hay phán quyết của tòa án. Còn Andreoni và cộng sự⁵ thì cho rằng việc tuân thủ thuế được định nghĩa là sự sẵn lòng của người nộp thuế, sự chấp hành pháp luật thuế để có được trạng thái cân bằng nền kinh tế của một quốc gia.

McBarnett⁶ xác định có 3 dạng tuân thủ thuế, đó là: tuân thủ có cam kết, tuân thủ một cách đầu hàng (không tự nguyện) và tuân thủ có sáng tạo. Tuân thủ có cam kết là sự sẵn sàng tuân thủ nghĩa vụ thuế mà người nộp thuế không hề phàn nàn. Tuân thủ không tự nguyện là có sự miễn cưỡng khi khai báo và nộp thuế, còn tuân thủ có sáng tạo tức là đối tượng nộp thuế tìm cách giảm số thuế phải nộp trong khuôn khổ của pháp luật.

Từ các định nghĩa trên, có thể hiểu tuân thủ thuế là hành vi của đối tượng nộp thuế sự sẵn lòng hay không sẵn lòng chấp hành các nghĩa vụ thuế. Ngược lại với hành vi tuân thủ thuế là hành vi không tuân thủ thuế, được hiểu là việc không sẵn lòng tuân theo các quy định thuế và tìm cách tránh thuế hoặc né thuế^{4,7}.

Khái niệm thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN xuất hiện rất sớm trong lịch sử của ngành thuế và ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc ổn định nguồn thu ngân sách hay phân phối thu nhập. Theo Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12⁸ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13⁹, có thể hiểu thuế TNDN là thuế trực thu đánh trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp, bao gồm thu nhập từ hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, thuế TNDN của từng quốc gia cũng có sự thay đổi tương ứng. Một số nước thống nhất mức thu và thuế suất trong phạm vi quốc gia, một số khác có thể áp dụng luật thuế TNDN ở cấp tiểu bang, địa phương. Mức thuế suất cao hay thấp có thể tùy vào đối tượng nộp thuế hay mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của từng quốc gia trong từng giai đoạn.

Xây dựng mô hình nghiên cứu

Hiện nay, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu khá đa dạng, hoạt động trong các lĩnh

vực thương mại, dịch vụ, du lịch và cả công nghiệp, nông nghiệp. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ, công nghiệp và giảm tỷ trọng nông nghiệp. Ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm. Thủy sản, dệt may, da giày, cao su... là những lĩnh vực mũi nhọn được tập trung phát triển. Theo đánh giá của ban lãnh đạo Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trong những năm qua, tỉnh đã triển khai quyết liệt các giải pháp và chính sách nhằm hạn chế thất thu thuế, đặc biệt là nguồn thu thuế TNDN từ các doanh nghiệp tư nhân, đây là nguồn thu luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn thu thuế của tỉnh.

Kế thừa các nghiên cứu trước về hành vi tuân thủ thuế TNDN như Jackson & Milliron⁴, Parka & Hyunb¹⁰, Chau & Leung¹¹, Ritsema và cộng sự¹², đồng thời, xuất phát từ tình hình kinh tế xã hội của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tác giả đề xuất mô hình và giả thuyết nghiên cứu ở Hình 1.

Tính đơn giản của việc kê khai thuế

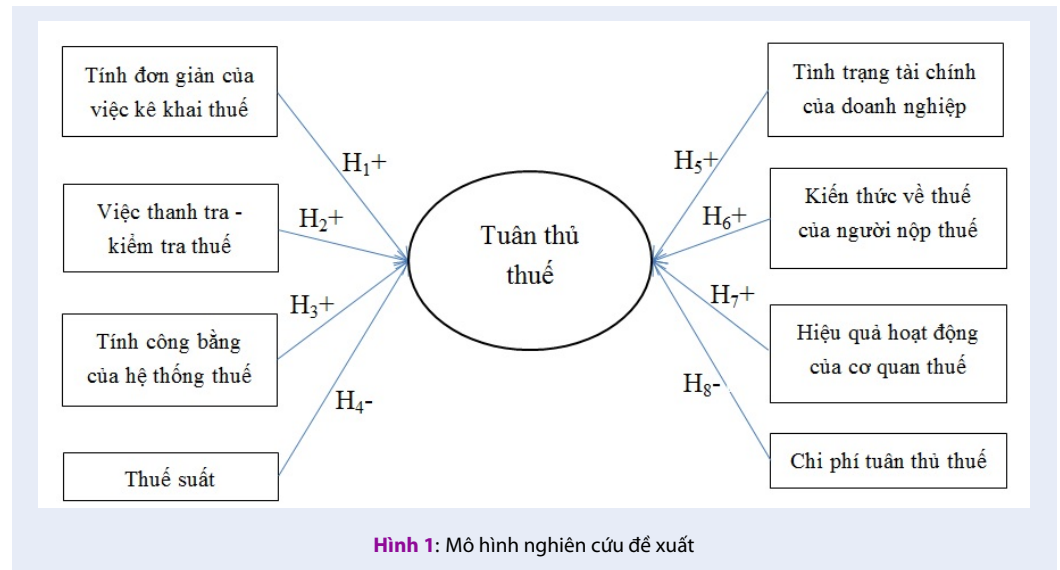
Silvani & Baer¹³ cho rằng các cơ quan thuế cần tiến hành rà soát và hoàn thiện quy trình kê khai thuế, đảm bảo việc kê khai này đơn giản và dễ hiểu đối với người nộp thuế. Nếu thủ tục kê khai thuế đơn giản, người nộp thuế có thể tự hoàn thành tờ khai thay vì ủy quyền cho các công ty dịch vụ, từ đó tiết kiệm được chi phí tuân thủ thuế.

Trong quá trình thực hiện thanh - kiểm tra thuế nếu cơ quan thuế phát hiện các sai sót lập lại trên tờ khai thuế ở nhiều đối tượng khác nhau, nguyên nhân có thể là do cách diễn đạt trong tờ khai tương đối phức tạp và khó hiểu đối với người nộp thuế. Như vậy, tờ khai và các quy định về kê khai thuế đơn giản, dễ hiểu sẽ giúp tăng tính tuân thủ thuế, đặc biệt, người nộp thuế cảm thấy thuận tiện hơn đối với hệ thống kê khai và nộp thuế qua mạng đỡ tốn nhiều thời gian trong việc chứng minh tính chính xác của thu nhập chịu thuế¹⁴. Do vậy có thể đề xuất giả thuyết:

H1: Tính đơn giản của việc kê khai thuế tác động cùng chiều đến tính tuân thủ thuế

Việc thanh tra - kiểm tra thuế

Beron và cộng sự¹⁵, Jackson & Jaouen¹⁶ tìm thấy bằng chứng rằng người nộp thuế đã từng bị thanh tra - kiểm tra thuế bởi cơ quan thuế sẽ tuân thủ thuế tốt hơn những người nộp thuế chưa bị thanh tra - kiểm tra. Nhiều nghiên cứu cũng cho rằng hệ thống kê khai và nộp thuế qua mạng đóng vai trò quan trọng có thể thúc đẩy quá trình tuân thủ thuế một cách tự nguyện. Tần suất, quy mô và chất lượng của các cuộc thanh tra, kiểm tra thuế sẽ khiến người nộp thuế cẩn thận hơn



khi thực hiện khai báo thu nhập, chi phí và kê khai. Ngược lại, nếu người nộp thuế chưa từng bị kiểm tra hay thanh tra thuế thuế có thể chủ quan trong quá trình kê khai các số liệu có liên quan và có thể khai giảm các khoản thu nhập hoặc tăng các khoản các khoản chi phí. Từ đó tác giả đề xuất giả thuyết:

H2: Việc thanh tra - kiểm tra thuế tác động cùng chiều đến tính tuân thủ thuế

Tính công bằng của hệ thống thuế

Tính công bằng luôn là mối quan tâm của con người khi thực hiện một nghĩa vụ nào đó, cụ thể trong quá trình phát triển của thuế thì tính công bằng là một yêu cầu khách quan. Người nộp thuế sẽ tuân thủ và tự nguyện thực hiện nghĩa vụ nộp thuế hơn khi hệ thống thuế thể hiện sự công bằng và khách quan.

Theo Jackson & Milliron⁴ tính công bằng của thuế bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau trong đó có lợi ích nhận được cho mỗi đồng tiền thuế và sự công bằng về nghĩa vụ thuế đối với những đối tượng có cùng mức thu nhập. Cũng theo nghiên cứu trên, nhận thức của người nộp thuế về sự công bằng của hệ thống thuế có ảnh hưởng đến xu hướng tránh thuế hay trốn thuế. Do vậy tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu:

H3: Tính công bằng của hệ thống thuế tác động cùng chiều đến tính tuân thủ thuế

Thuế suất

Có nhiều nghiên cứu trên thế giới đã tìm thấy tác động của thuế suất đến hành vi tuân thủ thuế. Hầu hết nghiên cứu thực nghiệm đều cho rằng thuế suất tăng sẽ dẫn đến trốn thuế^{10,17}. Tuy nhiên, Porcano¹⁸

tim thấy rằng thuế suất không có ảnh hưởng đáng kể đối với việc trốn thuế.

Thuế suất là một trong những yếu tố ảnh hưởng lớn đến số thuế phải nộp, xét trên góc độ lý thuyết về hành vi, người nộp thuế sẽ cân nhắc về việc giữ nguyên trạng số thuế phải nộp hay thực hiện hành vi liều lĩnh gian lận thuế khi so sánh giá trị lợi ích giữa hai phương án trên. Do vậy theo quan điểm của tác giả, giá trị số thuế phải nộp càng cao thì xu hướng liều lĩnh gian lận thuế càng lớn, hay nói cách khác thuế suất càng cao sẽ càng tác động tiêu cực đến hành vi tuân thủ thuế. Do vậy tác giả đề xuất giả thuyết:

H4: Thuế suất tác động ngược chiều đến tính tuân thủ thuế

Tình trạng tài chính của doanh nghiệp

Mohani & Sheehan¹⁹ cho rằng khi người nộp thuế gặp khó khăn về tài chính thì xác suất gian lận thuế cao hơn khi họ trong điều kiện bình thường.

Trong nghiên cứu này, tác giả cho rằng đối với hành vi gian lận không tuân thủ thuế có thể sử dụng lý thuyết về gian lận của Cressey²⁰ để giải thích. Nhân tố áp lực, cụ thể ở đây là áp lực về tài chính là một trong những 3 nhân tố chính của "tam giác gian lận" theo mô hình nghiên cứu của Cressey²⁰. Từ đó, tác giả đưa ra giả thuyết:

H5: Tình trạng tài chính tác động cùng chiều đến tính tuân thủ thuế

Kiến thức về thuế của người nộp thuế

Kiến thức về thuế của người nộp thuế là nền tảng năng lực cho việc thực hiện tuân thủ thuế cũng như là nền tảng nhận thức về tính công bằng của thuế để tuân

thu thuế tự nguyện, đồng thời kiến thức về thuế cũng sẽ làm tiết kiệm thời gian, tiền bạc... làm giảm chi phí tuân thủ thuế.

Nghiên cứu của Eriksen & Fallan²¹ cho rằng kiến thức có mối tương quan với hành vi và thái độ về thuế. Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Lewis²². Eriksen & Fallan²¹ khi kiểm tra mối quan hệ giữa kiến thức và hành vi thái độ về thuế. Kiến thức về thuế cùng với kiến thức về tài chính giúp người nộp thuế có thể xác định được số thuế phải nộp theo quy định pháp luật và hậu quả kinh tế đối với việc gian lận thuế. Do vậy tác giả đưa ra giả thuyết:

H6: Kiến thức về thuế của người nộp thuế có tác động cùng chiều đến tính tuân thủ thuế

Hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế

Hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế được hiểu ở đây là chất lượng dịch vụ cơ quan thuế, bao gồm chất lượng dịch vụ hỗ trợ thuế, chất lượng đội ngũ thanh tra - kiểm tra; chất lượng hệ thống kê khai - nộp thuế, hay nói cách khác là toàn bộ các quy trình quản lý thuế có liên quan. Khi cơ quan thuế hoạt động có hiệu quả các quy trình quản lý thuế thì sẽ giúp cho người nộp thuế gia tăng hiểu biết pháp luật về thuế, giảm thiểu thời gian trong quá trình kê khai nộp thuế, gia tăng hiệu quả rắn đe của các hoạt động thanh tra - kiểm tra, từ đó gia tăng tính tuân thủ thuế. Vấn đề này được đề cập trong nghiên cứu của Webley²³, ông cho rằng nếu cơ quan thuế hoạt động không hiệu quả và không nhiệt tình hỗ trợ thì người nộp thuế có khả năng không tuân thủ thuế. Do vậy tác giả đưa ra giả thuyết:

H7: Hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế có tác động cùng chiều đến tính tuân thủ thuế

Chi phí tuân thủ thuế

Bên cạnh số thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, người nộp thuế phải gánh chịu một số chi phí liên quan đến việc kê khai và nộp thuế như là thời gian bỏ ra để hoàn thành thủ tục về thuế, chi phí kế toán thuế... Ritsema và cộng sự¹² cho rằng chi phí tuân thủ thuế là một trong những yếu tố tác động đến sự tuân thủ thuế của người nộp thuế. Chi phí tuân thủ thấp sẽ khiến mức độ tự nguyện tuân thủ thuế gia tăng và ngược lại. Từ đó, tác giả đưa ra giả thuyết:

H8: Chi phí tuân thủ thuế tác động ngược chiều đến tính tuân thủ thuế.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mô tả tổng thể

Đến 31/12/2019, tổng số đối tượng nộp thuế TNDN đang hoạt động thuộc quản lý của ngành thuế tỉnh

Bà Rịa Vũng Tàu là 33.277. Trong đó có 11.842 doanh nghiệp (Doanh nghiệp nhà nước là 176, doanh nghiệp nhà nước có đầu tư nước ngoài 393, công ty cổ phần 1.873, công ty trách nhiệm hữu hạn 8.533, doanh nghiệp tư nhân 842, công ty hợp danh 10, doanh nghiệp liên danh với nước ngoài 15), số lượng hộ kinh doanh là 21.435 (hộ khoán 18.326, chưa khoán 3.109).

Phương pháp thu thập số liệu

Nguồn số liệu thứ cấp: Thu thập từ các đề tài nghiên cứu trước có liên quan, các tạp chí, bài báo trong và ngoài nước, các số liệu về tình hình thu thuế TNDN trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Nguồn số liệu sơ cấp: Dữ liệu sơ cấp sẽ được thu thập bằng cách gửi trực tiếp và thông qua email các câu hỏi khảo sát đến các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Phương pháp chọn mẫu

Cỡ mẫu

Theo Tabachnick & Fidell²⁴ và Nguyễn Đình Thọ²⁵ thì trong phân tích hồi quy bội, cỡ mẫu được tính bằng công thức $n \geq 50 + 8p$ (trong đó p là số biến độc lập trong mô hình, n là kích cỡ mẫu). Còn theo Hair và cộng sự²⁶, đối với phân tích nhân tố (EFA) cỡ mẫu tối thiểu $N > 5 \times x$ (x: tổng số biến quan sát). Với thang đo lý thuyết là 31 biến quan sát và 9 biến độc lập thì cỡ mẫu tối thiểu là 155 (thỏa yêu cầu lớn hơn 5×31 và $50 + 8 \times 9$).

Đặc điểm mẫu khảo sát

Có 400 bảng câu hỏi được gửi đến các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại 03 địa điểm là thành phố Bà Rịa, thành phố Vũng Tàu và huyện Long Điền. Số bảng câu hỏi thu được là 196, tuy nhiên chỉ có 185 bảng hợp lệ (vẫn thỏa điều kiện để thực hiện các phân tích nhân tố và hồi quy, kích thước mẫu tối thiểu là 155). Cụ thể 11 bảng không hợp lệ là do: lựa chọn nhiều phương án trong một câu hỏi, bỏ trống những câu trả lời bắt buộc. Quy mô và số lượng mẫu được trình bày tại Bảng 1.

Phương pháp xử lý số liệu

Sau khi làm sạch dữ liệu, tác giả sử dụng phần mềm SPSS 25.0 phục vụ cho việc phân tích, xử lý dữ liệu và chạy hồi quy tuyến tính bội như sau:

Kiểm tra độ tin cậy của thang đo: Sử dụng kiểm định Cronbach's Alpha để kiểm tra độ tin cậy của thang đo. Phân tích nhân tố khám phá EFA.

Phân tích hồi quy tuyến tính, sử dụng các kiểm định của các hệ số hồi quy, mức độ phù hợp của mô hình, sự tương quan để xác định các yếu tố và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến tính tuân thủ thuế.

Bảng 1: Phân bố mẫu theo quy mô doanh nghiệp

Quy mô doanh nghiệp	Số lượng	Tỷ trọng (%)
1. Lớn	12	6.5%
2. Vừa	53	28.6%
3. Nhỏ	120	64.9%
Tổng	185	100

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kiểm định và đánh giá thang đo

Các thang đo được đánh giá qua hai công cụ: (1) hệ số tin cậy Cronbach's Alpha và (2) phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA.

Kiểm định Cronbach's Alpha

Các thang đo được trình bày trong nghiên cứu sẽ được tiến hành kiểm định độ tin cậy bằng phương pháp Cronbach's Alpha. Sau khi chạy phân tích, các thang đo ban đầu đều đạt được độ tin cậy (Hệ số Cronbach's Alpha đạt từ 0,6 trở lên). Cả 9 thang đo đều có giá trị độ tin cậy cao và biến thiên trong khoảng (0.75- 0.81), được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2: Tổng hợp hệ số Cronbach's Alpha cho 9 thang đo

Thang đo	Biến quan sát	Mã hoá	Hệ số Cronbach's Alpha
Tính đơn giản của việc kê khai thuế	Thủ tục thuế và hồ sơ rườm rà dẫn đến việc né tránh thuế	DG3	0,798
	Các tiêu chí trên tờ khai thuế của chi cục rõ ràng, dễ hiểu	DG2	
	Hướng dẫn kê khai thuế qua mạng của chi cục thuế dễ hiểu, dễ áp dụng	DG1	
	Các hướng dẫn và quy định về thuế đều được cơ quan thuế cập nhật đầy đủ, công khai và kịp thời	DG4	
Việc thanh tra - kiểm tra thuế	Việc thanh tra - kiểm tra thuế càng thường xuyên thì DN càng tuân thủ thuế	KT1	0,753
	DN tuân thủ thuế tốt hơn sau mỗi đợt thanh tra - kiểm tra thuế	KT2	
	Việc thanh tra - kiểm tra thuế phát hiện càng nhiều sai phạm thì DN sẽ tuân thủ thuế tốt hơn	KT3	
Tính công bằng của hệ thống thuế	Luật thuế TNDN cụ thể, dễ hiểu	CB1	0,774
	Luật thuế TNDN công bằng đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp	CB2	
	Sự tôn trọng, khách lễ về tính minh bạch và công bằng của cơ quan thuế ảnh hưởng đến sự tuân thủ thuế	CB3	
	Các DN lớn có nhiều cách làm giảm số thuế phải nộp hơn DN nhỏ	CB4	
Thuế suất	Áp dụng mức thuế suất cao là cần thiết để DN tăng tính tuân thủ thuế	TS1	0,803
	Các hình thức ưu đãi thuế khiến DN ít tuân thủ thuế hơn	TS2	
	Giảm thuế suất sẽ khiến DN ít tuân thủ thuế hơn	TS3	
Tình trạng tài chính của doanh nghiệp	Tình trạng tài chính của DN càng căng thẳng thì việc tuân thủ thuế càng ít hơn	TC1	0,801
	Tình trạng tài chính ổn định thì DN càng tuân thủ thuế tốt hơn	TC2	
	Tình trạng tài chính ảnh hưởng tích cực tới tính tuân thủ thuế của DN	TC3	
Kiến thức về thuế của người nộp thuế	DN cập nhật đầy đủ kiến thức về thuế TNDN	AH1	0,766
	DN có cán bộ chuyên môn am hiểu các thủ tục về thuế	AH2	
	DN tiếp cận các kiến thức thuế chủ yếu từ chi cục thuế	AH3	
	Kiến thức chuyên môn về thuế của DN tốt hơn cán bộ thuế	AH4	
Hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế	DN hài lòng với chất lượng dịch vụ do cơ quan thuế cung cấp	HD1	0,766
	DN dễ tiếp cận với các dịch vụ nộp thuế tại cơ quan thuế	HD2	
	Cơ quan thuế lắng nghe và giải đáp thắc mắc một cách nhanh chóng, cụ thể	HD3	
	Cán bộ thuế có kiến thức chuyên môn để giải quyết các nghiệp vụ thuế	HD4	

Continued on next page

Table 2 continued

Chi phí tuân thủ thuế	DN cần các khoản chi phí tuân thủ để nâng cao mức tuân thủ thuế	CP1	0,781
	Chi phí tuân thủ thuế càng cao thì việc tuân thủ thuế thuận tiện hơn	CP2	
	Chi phí tuân thủ thuế là cần thiết để duy trì việc tuân thủ thuế.	CP3	
Việc tuân thủ thuế TNDN	Doanh nghiệp luôn khai báo chính xác các thu nhập chịu thuế	TTT1	0,766
	Doanh nghiệp luôn nộp thuế đúng hạn	TTT2	
	Doanh nghiệp luôn tuân thủ thuế	TTT3	

Phân tích nhân tố khám phá EFA

a. Phân tích nhân tố khám phá cho các biến độc lập
Các biến độc lập bao gồm: Tính đơn giản của việc kê khai thuế (DG), việc thanh tra - kiểm tra thuế (KT), tính công bằng của hệ thống thuế (CB), thuế suất (TS), tình trạng tài chính của doanh nghiệp (TC), kiến thức về thuế của người nộp thuế (AH), hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế (HD), chi phí tuân thủ thuế (CP) được đưa vào phân tích EFA. Kết quả phân tích được trình bày cụ thể trong Bảng 3.

Kiểm định KMO và Bartlett trong phân tích nhân tố cho thấy $KMO = 0.799 > 0,5$, đây là điều kiện đủ để phân tích nhân tố.

Kiểm định Bartlett's dùng để xem xét các biến quan sát trong nhân tố có tương quan với nhau hay không. Kiểm định Bartlett's có ý nghĩa thống kê khi $sig < 0,05$, ở bảng trên ta thấy $sig < 0,05$ chứng tỏ các biến quan sát trong cùng 1 nhân tố có tương quan với nhau.

Tổng phương sai trích (Total Variance Explained) đạt $68,597\% > 50\%$ cho biết các nhân tố được trích ra giải thích được $68,597\%$ biến thiên của dữ liệu. Trị số Eigenvalues: $1,043 > 1$, trong mô hình có 8 nhân tố có ý nghĩa trong phân tích EFA.

Bảng trên còn cho thấy sự hội tụ của các biến quan sát vào các nhóm nhân tố, trình bày các nhân tố được rút trích với các biến quan sát và hệ số tải nhân tố tương ứng (chỉ thể hiện hệ số tải $> 0,5$). Tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải $> 0,5$, như vậy các biến quan sát đều đo lường được các nhân tố trong mô hình nghiên cứu.

b. Phân tích EFA biến phụ thuộc “Tuân thủ thuế TNDN”

Biến phụ thuộc Tuân thủ thuế TNDN (TTT) được đo lường bởi 4 biến quan sát. Kết quả chạy phân tích EFA cho biến này được tổng hợp tại Bảng 4.

Tương tự các biến độc lập, kiểm định KMO và Bartlett trong phân tích nhân tố cho biến phụ thuộc “Tuân thủ thuế TNDN” cho thấy hệ số KMO = $0,698 (>0,5)$ và giá trị sig trong thống kê Bartlett's là $0,000$, cho thấy dữ liệu là phù hợp để tiến hành phân tích.

Có một nhân tố được rút trích từ phân tích EFA cho biến Tuân thủ thuế TNDN, điều này là phù hợp với lý thuyết và thang đo ban đầu. Phương sai trích đạt $68,316\% > 50\%$, giá trị Eigenvalue = $2,049 > 1$, đạt yêu cầu.

Phân tích hồi quy đa biến

Phân tích hồi quy là bước quan trọng, kết quả phân tích xác định được mức độ đóng góp của các nhân tố độc lập vào sự biến động của biến phụ thuộc. Các biến độc lập (DG, KT, CB, TS, TC, AH, HD, CP) và biến phụ thuộc (TTT) được đưa vào phân tích hồi quy

để kiểm định giả thuyết, kết quả được trình bày trong Bảng 5.

Theo bảng trọng số hồi quy, để đánh giá độ phù hợp của mô hình hồi quy đa biến, hệ số R bình phương hiệu chỉnh (Adjusted R Square) là $0,398$. Điều này cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính phù hợp với tập dữ liệu của mẫu ở mức $39,8\%$, tức là các biến độc lập giải thích được $39,8\%$ biến thiên của biến phụ thuộc, còn lại $61,2\%$ là do sự tác động của các yếu tố khác không được đưa vào mô hình. Kiểm định F cho thấy mức ý nghĩa $sig = 0,000 < 0,05$, nghĩa là với việc mô hình hồi quy tuyến tính được xây dựng là phù hợp với tổng thể.

Các giá trị ở cột Sig. đều $= < 0,05$ cho các biến DG, KT, CB, TS, TC, AH, HD, chứng tỏ 7 biến này đều tác động có ý nghĩa thống kê đến biến phụ thuộc, nghĩa là 7 giả thiết đều được chấp nhận. Riêng biến CP có Sig. = $.326 > 0,05$ nên CP không có ý nghĩa thống kê. Căn cứ vào hệ số Beta chuẩn hóa, ta thấy mức độ tác động cùng chiều đến mức độ tuân thủ thuế TNDN theo thứ tự lần lượt là các biến DG, AH, KT, HD, TC, CB, biến TS có tác động nghịch chiều đến mức độ tuân thủ thuế TNDN.

THẢO LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thảo luận

Qua kết quả phân tích trong mô hình 8 nhân tố thì chỉ có 6 nhân tố có tác động dương và 1 nhân tố tác động âm đến mức độ tuân thủ thuế TNDN của các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Có thể tổng hợp mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố trong Bảng 6.

Một số kiến nghị nhằm nâng cao mức độ tuân thủ thuế TNDN tại các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số kiến nghị tương ứng với các nhân tố tác động đến việc tuân thủ thuế TNDN như sau:

Tính đơn giản của việc kê khai thuế

Một hệ thống kê khai thuế đơn giản khi người nộp thuế dễ dàng tiếp cận, hiểu và vận dụng nó để hoàn thành nghĩa vụ kê khai. Để gia tăng tính đơn giản của hệ thống thuế, cơ quan thuế cần thực hiện một số biện pháp sau:

(i) Cần rà soát lại các quy định hiện tại so với thực tế tại Việt Nam và học hỏi kinh nghiệm của các nước trên thế giới để cải tiến, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp kê khai và nộp thuế đúng hạn.

(ii) Nâng cấp cổng thông tin điện tử để đáp ứng được với số lượng truy cập vào hệ thống, tránh tình trạng tắt nghẽn mạng, lỗi hệ thống...

Bảng 3: Tổng hợp kết quả phân tích EFA các biến độc lập

STT	Biến	Nhân tố							
		1	2	3	4	5	6	7	8
1	DG3	.793							
2	DG2	.785							
3	DG1	.747							
4	DG4	.712							
5	HD1		.770						
6	HD2		.764						
7	HD3		.678						
8	HD4		.596						
9	TS1			.855					
10	TS2			.820					
11	TS3			.713					
12	TC3				.862				
13	TC1				.836				
14	TC2				.814				
15	CP1					.850			
16	CP3					.836			
17	CP2					.800			
18	CB3						.808		
19	CB2						.802		
20	CB1						.784		
21	AH2							.813	
22	AH3							.784	
23	AH1							.675	
24	KT2								.826
25	KT3								.805
26	KT1								.625
KMO									
Bartlett's (Sig.)									
Tổng phương sai trích									
Eigenvalue									

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả chạy phân tích EFA trên SPSS

Bảng 4: Tổng hợp kết quả phân tích EFA biến “Tuân thủ thuế TNDN”

STT	Biến quan sát	Nhân tố
1	TTT1	
2	TTT2	
3	TTT3	
KMO		0,698
Bartlett's (Sig.)		0,000
Tổng phương sai trích		68,316 %
Eigenvalue		2,049

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả chạy phân tích EFA trên SPSS

Bảng 5: Trọng số hồi quy

Biến	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
	Std. Error	Beta	Beta		
	2.371E-16	.057		.000	1.000
DG	.341	.057	.341	5.971	.000
HD	.216	.057	.216	3.780	.000
TS	-.274	.057	-.274	-4.794	.000
TC	.126	.057	.126	2.208	.029
CP	.056	.057	.056	.986	.326
CB	.125	.057	.125	2.188	.030
AH	.295	.057	.295	5.158	.000
KT	.253	.057	.253	4.430	.000
R ²				0,424	
R ² hiệu chỉnh				0,398	
F test				.000	

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả chạy hồi quy trên SPSS

Bảng 6: Thứ tự mức độ ảnh hưởng của các nhân tố

Nhân tố	Tên nhân tố	Beta chuẩn hóa	Mức độ ảnh hưởng từ cao xuống thấp
DG	Tính đơn giản của việc kê khai thuế	.341	1
AH	Kiến thức về thuế của người nộp thuế	.295	2
KT	Việc thanh tra - kiểm tra thuế	.253	3
HD	Hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế	.216	4
TC	Tình trạng tài chính của doanh nghiệp	.126	5
CB	Tính công bằng của hệ thống thuế	.125	6
TS	Thuế suất	-.274	7

(iii) Triển khai các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế như dịch vụ tra cứu thông tin, kê khai thuế điện tử. Hỗ trợ và giải đáp vướng mắc của các doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch và hiệu quả. Định kỳ tổng kết các lỗi sai phạm về kê khai của người nộp thuế để có các văn bản hướng dẫn kịp thời, tránh hiểu nhầm gây nên các lỗi kê khai không cố ý.

Kiến thức về thuế của người nộp thuế

Kiến thức về thuế của người nộp thuế chủ yếu hình thành từ các nguồn: (i) Giáo dục trong các trường đại học; (ii) Tìm hiểu, kinh nghiệm của bản thân trong quá trình làm việc; (iii) Tuyên truyền, hỗ trợ của cơ quan thuế. Để nâng cao kiến thức về thuế của người nộp thuế, tác giả đưa ra một số khuyến nghị như sau: *Thứ nhất*, các trường đại học nên xem xét rà soát thời lượng các môn học về thuế trong chương trình đào tạo, cập nhật các thông tư, chính sách mới theo hướng gia tăng thời lượng học nhằm tăng cường chất lượng nguồn nhân lực chuyên trách trong các lĩnh vực liên quan đến tài chính và thuế.

Thứ hai, đối với các cá nhân người nộp thuế, kế toán, cán bộ quản lý, người lãnh đạo... cần có ý thức đúng về vai trò của thuế trong hoạt động của doanh nghiệp, nhận thức nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân và doanh nghiệp trong việc tuân thủ thuế. Từ đó chủ động trau dồi kỹ năng, chuyên môn về thuế

Thứ ba, cơ quan thuế cần tăng cường hỗ trợ tuyên truyền kiến thức về thuế giúp người nộp thuế cập nhật được các thay đổi về pháp luật thuế, cũng như hướng dẫn, giải thích các thắc mắc của người nộp thuế nhằm tránh các hành vi không tuân thủ do thiếu hiểu biết.

Về công tác thanh tra – kiểm tra thuế

Việc thanh tra kiểm tra có tác dụng răn đe các hành vi không tuân thủ thuế hay không phụ thuộc vào số lượng và chất lượng của các cuộc thanh tra - kiểm tra thuế. Để thực hiện tốt điều này, cơ quan thuế cần phải thực hiện các biện pháp sau:

(i) Tăng cường số lượng cán bộ phụ trách công tác thanh tra - kiểm tra thuế, hiện nay lực lượng này còn khá mỏng (khoảng 25-30% cán bộ thuế phụ trách) so với số lượng các doanh nghiệp hoạt động mà các cơ quan thuế quản lý trên địa bàn.

(ii) Tăng cường chất lượng cán bộ phụ trách công tác thanh - kiểm tra thuế thông qua việc gia tăng tiêu chuẩn, chất lượng công chức thi tuyển đầu vào, gia tăng tiêu chuẩn thi ngạch thanh tra viên - kiểm tra viên, thường xuyên tổ chức đào tạo bồi dưỡng cán bộ thanh tra - kiểm tra thuế.

Về thuế suất

Như kết quả nghiên cứu ở những phần trước, thuế suất là yếu tố duy nhất tác động ngược chiều đến mức độ tuân thủ thuế. Mức thuế suất cao không thể khiến các đối tượng tuân thủ thuế hơn, do đó, lộ trình giảm

thuế TNDN đã đi đúng hướng trong việc gia tăng mức độ tuân thủ thuế.

Ngoài ra, Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế cần thường xuyên rà soát điều kiện kinh tế - xã hội, qua đó ban hành các quy định miễn thuế, giảm thuế phù hợp với thực trạng tài chính của các doanh nghiệp, tháo gỡ các khó khăn, thúc đẩy sự phát triển và gia tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp.

Về hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế

Hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế là hiệu quả của quy trình quản lý thuế của cơ quan thuế đối với người nộp thuế. Để tăng cường hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế, Tổng Cục thuế nói chung và Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nói riêng cần thực hiện một số giải pháp như sau:

(i) Xây dựng và phát huy văn hoá công sở, thay đổi lối tư duy hành chính cũ kỹ, thay vào đó là thái độ phục vụ người nộp thuế như khách hàng, tư vấn và hỗ trợ nhiệt tình.

(ii) Đầu tư trang bị cơ sở vật chất và máy móc thiết bị, đặc biệt là tận dụng sức mạnh của công nghệ thông tin và các dịch vụ công trực tuyến để hướng tới việc kê khai và nộp thuế hiệu quả nhất.

(iii) Thường xuyên rà soát tình hình thực tế, các khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp trong việc kê khai thuế, chính sách thuế... nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển, nâng cao nhận thức về nghĩa vụ thuế.

Tình trạng tài chính của doanh nghiệp

Nhân tố tình trạng tài chính của doanh nghiệp có tác động cùng chiều đến hành vi tuân thủ thuế, đây là dấu hiệu để cơ quan thuế lưu ý trong quá trình chọn lựa doanh nghiệp để thực hiện các công tác thanh tra - kiểm tra thuế. Ngoài ra, để tăng cường hành vi tuân thủ thuế tự nguyện thì Chính phủ cần có các biện pháp hỗ trợ cho sự phát triển của doanh nghiệp, cụ thể như:

(i) Tạo môi trường đầu tư, phát triển kinh tế bình đẳng cho các doanh nghiệp;

(ii) Rà soát, sửa đổi bổ sung các chính sách ưu đãi về thuế đối với các doanh nghiệp cho phù hợp với từng thời kỳ kinh tế, cũng như thực trạng nền kinh tế hiện nay.

Tính công bằng của hệ thống thuế

Nhận thức về tính công bằng của hệ thống thuế bao gồm 2 khía cạnh, một là khía cạnh liên quan đến sự công bằng trong việc sử dụng tiền thuế và hai là sự công bằng trong gánh nặng thuế với các đối tượng tương tự. Để gia tăng tính công bằng trong nhận thức của người nộp thuế, cần thực hiện một số biện pháp sau:

(i) Minh bạch hoá chi tiêu của Chính phủ (nguồn chi tiêu công chủ yếu được đóng góp từ thuế), tăng cường

các biện pháp nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công;

(ii) Nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ thuế, tránh tình trạng tham nhũng, những nhiễu gây ảnh hưởng đến uy tín ngành thuế cũng như tính công bằng của hệ thống thuế.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy có bảy nhân tố ảnh hưởng đến việc tuân thủ thuế TNDN, đó là tính đơn giản của việc kê khai thuế, việc thanh tra - kiểm tra thuế, tính công bằng của hệ thống thuế, thuế suất, tình trạng tài chính của doanh nghiệp, kiến thức về thuế của người nộp thuế, hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế. Trong đó, nhân tố thuế suất có tác động âm và các nhân tố còn lại tác động dương đến việc tuân thủ thuế TNDN.

Tóm lại, những phát hiện chính này giúp cho cơ quan thuế hiểu rõ hơn về các nhân tố tác động đến hành vi tuân thủ thuế của nhóm đối tượng các doanh nghiệp tư nhân cũng như mức độ tác động của từng nhân tố. Từ những kết quả này, các cơ quan chức năng có thể tham khảo để thực hiện những biện pháp phù hợp nhằm từng bước cải thiện mức độ tuân thủ thuế của các đối tượng trên.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TNDN: Thu nhập doanh nghiệp

EFA: Exploratory Factor Analysis

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Nhóm tác giả xin cam đoan rằng không có bất kì xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

The authors declare that they have no conflicts of interest

ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

Tác giả Lê Thị Bảo Như: Định hướng nghiên cứu, củng cố nội dung cơ sở lý thuyết, xây dựng bảng câu hỏi, xử lý, phân tích dữ liệu và kết quả nghiên cứu, chỉnh sửa bản thảo

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hào: Thu thập dữ liệu khảo sát, viết bản thảo

Tác giả Nguyễn Thị Hồng Hạnh: Trình bày về cơ sở lý thuyết, viết phần kiến nghị

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Báo cáo tổng kết công tác quản lý ngành thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. 2019.
2. Kahneman D, Tversky A. Prospect Theory: An Analysis of Decision under Risk. *Econometrica*. 1979;47(2):263-292; Available from: <https://doi.org/10.2307/1914185>.
3. Alm J. A perspective on the experimental analysis of taxpayer reporting. *The Accounting Review*. 1991;66(3):577-593.
4. Jackson BR, Milliron V C. Tax compliance research: Findings, problems, and prospects. *Journal of Accounting Literature*. 1986;5:125-165.

5. Andreoni J, Erard B, Feinstein J. Tax Compliance. *Journal of Economic Literature*. 1998;36:818-860; PMID: 9881729. Available from: <https://doi.org/10.1038/sj.sc.3100706>.
6. Mcbarnett D. Chapter 11: When Compliance Is Not the Solution but the Problem: From Changes in Law to Changes in Attitude. *Tax Democracy: Understanding Tax Avoidance and Evasion*. 2003.
7. Kasipillai J, Jabbar AH. Tax compliance attitude and behavior: Gender & ethnicity differences of Malaysian taxpayers. *The Malaysian Accountant*. 2003;1-7.
8. Quốc hội. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12. 2008.
9. Quốc hội. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13. 2014.
10. Parka CG, Hyunb JK. Examining the determinants of tax compliance by experimental data: a case of Korea. *Journal of Policy Modeling*. 2003;25(8 November):673-684; Available from: [https://doi.org/10.1016/S0161-8938\(03\)00075-9](https://doi.org/10.1016/S0161-8938(03)00075-9).
11. Chau G, Leung P. A critical review of Fischer tax compliance model: A research synthesis. *Journal of Accounting and Taxation*. 2009;1(2):034-040.
12. Ritsema, Christina M, Thomas, Deborah W, Gary D, Ferrier. Economic and Behavioral Determinants of Tax Compliance: Evidence From the 1997 Arkansas Tax Penalty Amnesty Program, Paper presented at the 2003 IRS Research Conference, (accessed April 20, 2011). 2003; Available from: <http://www.irs.gov/pub/irs-soi/ritsema.pdf>.
13. Silvani C, Baer K, Designing a Tax Administration Reform Strategy: Experiences and Guidelines. IMF Working Paper No. 97/30. 1997; Available from: <https://doi.org/10.5089/9781451980394.001>.
14. Slemrod J. The Return To Tax Simplification: an Econometric Analysis. *Public Finance Quarterly*. 1989;17(1):3-27; Available from: <https://doi.org/10.1177/109114218901700101>.
15. Beron K, Tauchen H, Witte A. The effects of audits and socioeconomic variables on compliance. In J. Slemrod (Ed.), *Why people pay taxes* (pp. 67-94). Ann Arbor, MI: The University of Michigan Press. 1992.
16. Jackson BR, Jaouen P. Influencing taxpayer compliance through sanction threat or appeals to conscience. *Advances in Taxation*. 1989;2:131-147.
17. Alm J, Jackson B, Mckee M. Estimating the determinants of taxpayer compliance with experimental data. *National Tax Journal*; 1992;45(1):107-114; Available from: <https://doi.org/10.1086/NTJ41788949>.
18. Porcano TM. Correlates of tax evasion. *Journal of Economic Psychology*. 1988;9(1):47-67; Available from: [https://doi.org/10.1016/0167-4870\(88\)90031-1](https://doi.org/10.1016/0167-4870(88)90031-1).
19. Mohani A, Sheehan P. Estimating the extent of income tax non-compliance in Malaysia and Australia using the gap approach (part II). *Tax Nasional* (1st Quarter). 2004:20-24.
20. Cressey D. *Other People's Money: A Study in the Social Psychology of Embezzlement*, Glencoe IL: Free press. 1953.
21. Eriksen K, Fallan L. Tax knowledge and attitudes towards taxation: A report on a quasi experiment. *Journal of Economic Psychology*. 1996;17:387-402; Available from: [https://doi.org/10.1016/0167-4870\(96\)00015-3](https://doi.org/10.1016/0167-4870(96)00015-3).
22. Lewis A. The social psychology of taxation. *British Journal of Social Psychology*. 1982;21(2):151-158; Available from: <https://doi.org/10.1111/j.2044-8309.1982.tb00523.x>.
23. Webley P. Tax compliance by businesses. In: Sjogren H, Skogh G, editors. *New Perspectives On Economic Crime*. Edward Elgar; Cheltenham, UK. 2004:95-126.
24. Tabachnick BG, Fidell LS. *Using Multivariate Statistics* (5th ed.). New York: Allyn and Bacon. 2007.
25. Đinh Thọ N. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. Nhà xuất bản Tài chính, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM. 2014.
26. Hair JFJ, Anderson RE, Tatham RL, Black W C. *Multivariate Data Analysis*. New Jersey: Prentice Hall. 1998.

Factors affecting the corporate income tax compliance in private enterprises in Ba Ria – Vung Tau province

Le Thi Bao Nhu^{1,*}, Nguyen Thi Thu Hao², Nguyen Thi Hong Hanh³



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

The corporate income tax management in Vietnam in general and Ba Ria - Vung Tau province, in particular, are facing a big challenge, which is finding the means of tax sufficient collection and avoidance of tax evasion. However, tax fraud or tax avoidance has been complicated and the number of these illegal activities tends to increase. From practical requirements, this paper contributes to the gap of previous studies by identifying factors affecting the corporate income tax compliance in private enterprises in Ba Ria - Vung Tau province. By survey method and linear regression analysis, the results show that there are seven factors that affect corporate income tax compliance, including the simplicity in tax declaration, tax inspection, the fairness of tax system, tax rate, financial status, the taxpayer's knowledge, and tax administration performance. Of all factors, the tax rate factor has a negative effect and the remaining factors have a positive effect on corporate income tax compliance. Based on these results, the authors propose some solutions to encourage private enterprises to comply with the corporate income tax regulations in Ba Ria - Vung Tau province.

Key words: Tax compliance, Corporate income tax, Ba Ria – Vung Tau

¹Faculty of Finance, Accounting and Banking, University of Phan Thiet, Vietnam

²Regional State Audit Office No.13, State Audit Office of Vietnam, Vietnam

³General Statistics Department, Binh Dinh Statistical Office, Vietnam

Correspondence

Le Thi Bao Nhu, Faculty of Finance, Accounting and Banking, University of Phan Thiet, Vietnam

Email: lebaonhu@gmail.com

History

- Received: 25-01-2021
- Accepted: 14-5-2021
- Published: 20-5-2021

DOI : 10.32508/stdjelm.v5i2.766



Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Nhu L T B, Hao N T T, Hanh N T H. **Factors affecting the corporate income tax compliance in private enterprises in Ba Ria – Vung Tau province.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 5(2):1576-1588.